

Số: **767**/QĐ-BTTTTHà Nội, ngày **28** tháng 4 năm 2023**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc chỉ định tổ chức thử nghiệm****BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG***Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007;**Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26/7/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;**Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa; và Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;**Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Chỉ định **Trung tâm Đo kiểm và Sửa chữa thiết bị viễn thông MobiFone – Tổng công ty Viễn thông MobiFone** thực hiện việc thử nghiệm với phạm vi được chỉ định kèm theo.**Điều 2.** Thời hạn hiệu lực của Quyết định này là 03 (ba) năm kể từ ngày ký thay thế Quyết định số 957/QĐ-BTTTT ngày 05/6/2020.**Điều 3.** Tổ chức thử nghiệm có trách nhiệm thực hiện việc thử nghiệm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu, phải tuân thủ các quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả đánh giá sự phù hợp do đơn vị mình thực hiện.**Điều 4.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, tổ chức thử nghiệm có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Phan Tâm;
- Trung tâm Thông tin (để ph/h);
- Các Tổ chức chứng nhận hợp quy (để th/hiện);
- Các Tổ chức kiểm định (để th/hiện);
- Bộ KHCN, Tổng cục TĐC (để biết);
- Lưu: VT, KHCN (12).

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG****Phan Tâm**

## PHẠM VI ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

(kèm theo Quyết định số **767**/QĐ-BTTTT ngày **28** tháng 4 năm 2023  
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

### 1. Thông tin về tổ chức thử nghiệm:

**Trung tâm Đo kiểm và Sửa chữa thiết bị viễn thông MobiFone – Tổng công ty Viễn thông MobiFone**

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, mã số 0100686209-167 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 07/04/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 26/5/2021.

### 2. Phạm vi được chỉ định:

**a) Trụ sở Trung tâm:** Số 115 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

| TT        | Tên sản phẩm, hàng hóa                                                        | Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng                                 |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Dịch vụ viễn thông</b>                                                     |                                                                        |
| 1         | Dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông di động mặt đất                       | QCVN 36:2015/BTTTT <sup>(1)</sup><br>QCVN 36:2022/BTTTT <sup>(1)</sup> |
| 2         | Dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động mặt đất               | QCVN 81:2019/BTTTT <sup>(2)</sup>                                      |
| 3         | Dịch vụ tin nhắn ngắn trên mạng viễn thông di động mặt đất                    | QCVN 82:2014/BTTTT                                                     |
| 4         | Chất lượng dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động mặt đất 5G | QCVN 126:2021/BTTTT <sup>(3)</sup>                                     |
| <b>II</b> | <b>Thiết bị viễn thông và đài vô tuyến điện</b>                               |                                                                        |
| 5         | Trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng (BTS)                           | QCVN 08:2010/BTTTT<br>QCVN 08:2022/BTTTT                               |

#### Ghi chú:

<sup>(1)</sup> Chỉ áp dụng các chỉ tiêu kỹ thuật của QCVN 36:2015/BTTTT, QCVN 36:2022/BTTTT;

<sup>(2)</sup> Chỉ áp dụng các chỉ tiêu kỹ thuật của QCVN 81:2019/BTTTT;

<sup>(3)</sup> Chỉ áp dụng các chỉ tiêu kỹ thuật của QCVN 126:2021/BTTTT.

**b) Chi nhánh miền Nam:** Số 270A Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

| TT | Tên sản phẩm, hàng hóa                         | Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng |
|----|------------------------------------------------|----------------------------------------|
| 1  | Thiết bị trạm gốc thông tin di động GSM        | QCVN 41:2016/BTTTT <sup>(1)</sup>      |
| 2  | Thiết bị trạm gốc thông tin di động W-CDMA FDD | QCVN 16:2018/BTTTT <sup>(2)</sup>      |
| 3  | Thiết bị truyền dẫn viba số                    | QCVN 53:2017/BTTTT <sup>(3)</sup>      |

*10*



| TT | Tên sản phẩm, hàng hóa                    | Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng                                 |
|----|-------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| 4  | Thiết bị lắp thông tin di động WCDMA FDD  | QCVN 66:2018/BTTTT <sup>(4)</sup>                                      |
| 5  | Nguồn -48VDC dùng cho thiết bị viễn thông | TCVN 8687:2011                                                         |
| 6  | Ăng ten trạm gốc thông tin di động        | IEEE Std 149™-2021 <sup>(5)</sup><br>IEC 62037-6:2021                  |
| 7  | Ắc quy (battery)                          | TCVN 11850-21:2017 <sup>(6)</sup><br>TCVN 11850-22:2017 <sup>(6)</sup> |

**Ghi chú:**

<sup>(1)</sup> Chỉ áp dụng các chỉ tiêu kỹ thuật tại các mục 2.2.1, 2.2.2, 2.2.3, 2.2.4 và 2.2.5 của QCVN 41:2016/BTTTT;

<sup>(2)</sup> Chỉ áp dụng các chỉ tiêu kỹ thuật tại các mục 2.3, 2.4, 2.5 và 2.6 của QCVN 16:2018/BTTTT;

<sup>(3)</sup> Chỉ áp dụng các chỉ tiêu kỹ thuật tại các mục 2.1.1, 2.1.3 và 2.1.7 của QCVN 53:2017/BTTTT;

<sup>(4)</sup> Chỉ áp dụng các chỉ tiêu kỹ thuật tại các mục 2.2.2, 2.2.3 và 2.2.4 của QCVN 66:2018/BTTTT;

<sup>(5)</sup> Chỉ áp dụng chỉ tiêu kỹ thuật trở kháng đầu vào tại mục 16.1 của IEEE Std 149™-2021;

<sup>(6)</sup> Chỉ áp dụng các chỉ tiêu nội trở và dung lượng của ắc quy trong TCVN 11850-21:2017 và TCVN 11850-22:2017.